TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TC** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-4-2025

"Về việc ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Ngọc Quyền**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Lê Văn Bài;**

Bà **Nguyễn Thị Hồng Nhung.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Phước Thành**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC tham gia phiên toà: Ông Thạch I Ran - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2025, tại 02 điểm cầu: Điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC và điểm cầu thành phần tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã T, Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025; về việc "Ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 3 năm 2025; giữa:

Nguyên đơn: Anh Phan Văn L, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ C, sinh năm 1977 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh

Người hỗ trợ phiên tòa trực tuyến tại điểm cầu thành phần: Ông Đặng Văn T- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2025, lời khai của anh Phan Văn L trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa trình bày:

Vào năm 1994, anh có xác lập quan hệ vợ chồng với chị Nguyễn Thị Mỹ C nhưng đến ngày 12/02/2007 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống anh và chị C có 02 con chung tên: Phan Thanh N, sinh ngày 22/02/1995 và Phan Thị Y, sinh ngày 16/12/1997, hiện nay con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng. Về tài sản chung có, về nợ chung: không có. Nguyên nhân mâu thuẫn: anh đi làm xa, chị C ở nhà và có tình cảm với người khác và bỏ nhà ra đi nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Do đó anh không còn tình cảm với chị C nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ C.

- Về con chung: Các con đã thành niên và có cuộc sống riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 11 tháng 3 năm 2025 bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

Chị cũng thống nhất thời điểm sống chung với anh L là năm 1994 và đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung như anh L trình bày là đúng. Chị cho rằng vợ chồng sống chung không hợp, không hạnh phúc nên không còn tình cảm với anh L. Do đó anh L xin ly hôn thì chị đồng ý.

- Về con chung: Các con đã thành niên và có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự đã thống nhất:

Về hôn nhân: Anh chị đều thống mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung, hiện mỗi người đã có cuộc sống riêng.

- Về con chung: Các con đã thành niên và có cuộc sống riêng nên anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh chị đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L và chị C đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Những vấn đề mà các đương sự không thống nhất: Không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của

mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn L về việc công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ C; về con chung, tài sản chung và nợ chung, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; buộc anh Phan Văn L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng:*

[1] Nguyên đơn anh Phan Văn L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ C. Đồng thời bị đơn có địa chỉ tại ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TC theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Thị Mỹ C, nhưng chị có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

- *Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo anh Phan Văn L khai thì cả hai đều tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/02/2007. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với tài liệu đã cung cấp là giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T cấp ngày 12/02/2007 nên xác định hôn nhân giữa anh Phan Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ C là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn anh L trình bày anh đi làm xa, chị C ở nhà và có tình cảm với người khác và bỏ nhà ra đi nên vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh nhận thấy không còn tình cảm với chị C nên xin ly hôn.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, do anh L đi làm xa, chị C ở nhà thiếu sự thấu hiểu quan tâm lẫn nhau, tình cảm phai nhạt khi anh L về nhà thì chị C đã bỏ đi sống ở nơi khác hơn 06 tháng nay, dù anh L có cố gắng hàn gắn tình cảm cùng chị C nhưng chị không quay về.

Hiện nay, vợ chồng anh L và chị C mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm cuộc sống của ai. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã mời hòa giải ngày 11/3/2024 để tạo điều kiện hàn gắn hôn nhân giữa anh L và chị C. Mặc dù đã được tống đạt hợp lệ, chị C trực tiếp làm bản tự khai và gửi cho Tòa án. Nhưng tại phiên hòa giải chị không đến và có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, chứng tỏ chị C cũng không có ý muốn hàn gắn cùng anh L. Trong bản tự khai chị cũng nói rõ chị không còn tình cảm với anh L và đồng ý ly hôn. Trong phiên hòa giải anh L cũng khẳng định không còn yêu thương chị C. Từ những nhận định trên chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh L và chị C đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh Phan Văn Lâm ly H với chị Nguyễn Thị Mỹ C.

[4] Về con chung: Anh Phan Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ C có 02 con chung tên: Phan Thanh N, sinh ngày 22/02/1995 và Phan Thị Y, sinh ngày 16/12/1997, hiện nay con chung đã trưởng thành có cuộc sống riêng nên anh L và chị C không yêu cầu giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Phan Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ C đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Phan Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ C đều khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Anh Phan Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị Nguyễn Thị Mỹ C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Phan Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Mỹ C.

2. Về con chung và tài sản chung anh Phan Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Anh Phan Văn L và chị Nguyễn Thị Mỹ C khai không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Anh Phan Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006011 ngày 19/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC, tỉnh Trà Vinh. Anh Phan Văn L đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

***Nơi nhận**:*
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Võ Thị Ngọc Quyền